

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HC-PT

Ngày: 17- 6 - 2020.

V/v Khởi kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;
Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 201/2018/TLPT-HC ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HCST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Y bị kháng cáo của người khởi kiện.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4119/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đinh Văn K và bà Lê Thị N; cùng trú tại: Thôn A, xã T, huyện Q, tỉnh Y; ông K, có mặt; bà N, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị N: Ông Đinh Văn K (theo Văn bản uỷ quyền ngày 06/03/2018).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Y;

Địa chỉ cơ quan: Khu phố 6, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Y;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức M - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Q, tỉnh Y (theo Văn bản uỷ quyền số 01/GUQ-UBND ngày 10/6/2018), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Đinh Quang V và bà Hoàng Thị H; Đều trú tại: Thôn A, xã T, huyện Q, tỉnh Y;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đinh Quang V và bà Hoàng Thị H: Anh Đinh Văn M (Theo Văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2018).

Ông V, bà H và anh M đều vắng mặt.

3.2 Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Y.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Kim H - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, huyện Q, tỉnh Y;

Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã: Ông Hoàng Văn Đ- Phó Chủ tịch UBND xã T; có mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Hoàng Việt D; Trú tại: Thôn Kiên Lao, xã T, huyện Q, tỉnh Y; có mặt.

5. *Người kháng cáo:* Ông Đinh Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện ông Đinh Văn K trình bày:

Năm 1993, ông được Nhà nước giao đất, giao rừng với diện tích 02 ha; sau khi được giao đất ông có trồng sắn, trồng chè. Đến năm 1998, ông có cho gia đình ông Đinh Quang V (là anh trai của ông) và bà Hoàng Thị H mượn một phần trong số diện tích ông được giao đất, khi cho mượn vì là anh em nên không có văn bản, giấy tờ gì. Đến năm 2001, ông có làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số S 805611 ngày 31/8/2001, mang tên hộ ông Đinh Văn K tờ bản đồ C-d-2(2), số thửa 87, diện tích 30.500m², mục đích sử dụng RST, thời hạn sử dụng đến năm 2051 vào sổ cấp GCNQSD đất số 01131QSDĐ/199/QĐUBH. Diện tích đất ông được cấp bao gồm cả phần đất ông đã cho gia đình ông V mượn; đến năm 2013, ông đòi lại đất mà ông đã cho gia đình ông V mượn nhưng gia đình ông V không trả nên phát sinh tranh chấp giữa hai gia đình. Việc ông được cấp GCNQSD đất năm 2001 không có tranh chấp với ai, đều có ranh giới, mốc giới của các hộ xung quanh ký tên. UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình ông là không đúng. Ông đã khiếu nại, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Q giữ nguyên Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017.

Ngày 17/01/2018, ông Đinh Văn K và bà Lê Thị N khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Y huỷ Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại và huỷ Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND huyện Q.

Theo người bị kiện trình bày:

Tranh chấp đất đai giữa hộ ông Đinh Văn K, bà Lê Thị N và hộ ông Đinh Quang V, bà Hoàng Thị H đã được giải quyết bằng vụ án tranh chấp đất đai. Việc ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/ 2017 về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông K và Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông K là bảo đảm đúng quy định của pháp luật, vì: Tại Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 28/02/2017 của UBND xã T đã

kết luận: Căn cứ vào xác minh nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng thửa đất, ý kiến của nhân dân trong thôn A giữa hộ ông V và hộ ông K. Thửa đất hiện nay đang tranh chấp là do ông V canh tác từ năm 1976, năm 1989 trồng sắn, liên tục đến năm 1998 ông chuyển sang trồng quế cho đến nay chưa khai thác, còn hộ ông K không canh tác trên khu đất đó; năm 2001, xã đã triển khai cấp GCNQSD đất đồng loạt hộ ông K đã kê khai và chỉ ranh giới sai cho cán bộ đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy, dẫn đến việc cấp GCNQSD đất sai giữa hộ ông K và hộ ông V.

Trên cơ sở báo cáo của UBND xã T, UBND huyện Q đã ban hành Công văn số 158/UBND-TNMT ngày 16/3/2017 về việc giao Thanh tra huyện thẩm tra, xác minh lại việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông K được UBND huyện Q cấp ngày 31/8/2001 tại thửa đất số 87, tờ bản đồ C-d-2(2); diện tích được cấp 30.500m², đất rừng trồng sản xuất, thời hạn sử dụng đến năm 2051.

Theo Báo cáo số 14/BC-TTr ngày 06/6/2017, của Thanh tra huyện Q kết luận: Việc UBND xã T, phòng địa chính huyện tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị UBND huyện Q cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 87, tờ bản đồ C-d-2(2); diện tích được cấp 30.500m², đất rừng trồng sản xuất, thời hạn sử dụng đến năm 2051; không tuân thủ trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất như: Khi chủ sử dụng đất kê khai, tổ đăng ký đất đai không tiến hành thẩm tra, xác minh làm rõ về nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đăng ký kê khai, dẫn đến việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông K không đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Cấp GCNQSD đất sử dụng cho ông K vào diện tích đất do gia đình ông V đang canh tác sử dụng; việc đo đạc lập hồ sơ địa chính diện tích không chính xác; theo sơ đồ (do Trung tâm công nghệ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y đo đạc tháng 11/2016) đã xác định diện tích thực tế của gia đình ông K đang quản lý và sử dụng là 17.902,7m², không phải là 30.500,0m² như trong GCNQSD đất của gia đình ông K được cấp năm 2001. Phần diện tích đất 4.776,6m² do gia đình ông V canh tác và sử dụng ổn định đã trồng quế từ năm 1998 đến nay.

Trên cơ sở báo cáo của Thanh tra huyện, UBND huyện Q đã ban hành Công văn số 404/UBND-TTr ngày 07/6/2017, về việc giải quyết những sai sót trong việc cấp GCNQSD đất đối với hộ ông K và yêu cầu phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất, UBND xã T và đối với các hộ có liên quan; căn cứ Tờ trình của phòng Tài nguyên và Môi trường số 62/TTr-TNMT ngày 19/6/2017 về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông K tại thôn A, xã T, lý do thu hồi: “Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật”.

Từ những căn cứ trên UBND Q đã ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông K. Sau đó ông K đã khiếu nại Quyết định số 1864/QĐ-UBND; UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 về việc giao nhiệm vụ cho Thanh tra huyện xác

minh nội dung khiếu nại. Tại Báo cáo số 24/BC-TTr ngày 28/9/2017, Thanh tra huyện đã kết luận: Việc ông K khiếu nại ...không có căn cứ vì:

1. Ông Đinh Văn K đã khẳng định từ khi được giao đất năm 1993 đến nay gia đình ông K chưa canh tác, sử dụng diện tích đất là 4.776,6m²; phần diện tích đất này do gia đình ông Đinh Quang V canh tác, sử dụng để trồng quế ổn định từ năm 1998 đến nay. Mặt khác, việc ông K cho ông V mượn đất không có văn bản, giấy tờ cho mượn.

2. Việc ông K cho rằng những người làm chứng cho gia đình ông Đinh Quang V về nguồn gốc sử dụng đất là bịa đặt, không rõ ràng vì họ có mâu thuẫn với gia đình ông là không đúng vì: Đại diện các hộ dân có đất canh tác giáp danh đều khẳng định diện tích 4.776,6m² là do gia đình ông Đinh Quang V canh tác, sử dụng từ năm 1993 để trồng sắn đến năm 1998 ông V trồng quế; từ trước đến nay gia đình ông K không canh tác ở diện tích đất nêu trên.

3. Số diện tích trong thửa đất số 87 của gia đình ông Đinh Văn K tại thời điểm cấp năm 1993 không đo đạc cụ thể, chỉ khoanh vẽ và cấp cho ông K là 20.000,0m²; đến năm 2001, tổ đăng ký đất đai của xã T không tiến hành thẩm tra, xác minh làm rõ về nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, không đo đạc thực tế, tổ đăng ký căn vẽ trên bản đồ và lập hồ sơ cấp cho gia đình ông K 30.500,0m² là không đúng với diện tích sử dụng thực tế.

Năm 2016, Trung tâm Công nghệ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y (đo vẽ tháng 11 năm 2016) đã xác định diện tích đất do gia đình ông Đinh Văn K canh tác, sử dụng là: 17.902,7m², diện tích đất do gia đình ông Đinh Quang V sử dụng là 4.776,6m². Diện tích giữa hai gia đình sử dụng có ranh giới, mốc giới rõ ràng và hai hộ đều thống nhất với phần diện tích đất đã đo đạc.

Như vậy, việc ông Đinh Văn K khiếu nại Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND huyện Q là sai toàn bộ và kiến nghị: Đề nghị Chủ tịch UBND huyện Q ban hành quyết định giải quyết khiếu nại với ông Đinh Văn K với những nội dung sau: Giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND huyện Q về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình ông Đinh Văn K.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai quy định: “Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây: “...Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng, sử dụng đất không đúng diện tích đất....” và khoản 3 Điều 106 Luật đất đai quy định: “Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 điều này do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ...quyết định sau khi có kết luận của cơ quan Thanh tra cùng cấp...” và trên cơ sở Báo cáo của Thanh tra huyện Q, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông K. Nội dung giải quyết khiếu nại: Giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND huyện Q về

việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình ông Khúc; đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn K.

Theo UBND xã T trình bày:

Về nguồn gốc đất: Tại hồ sơ giao rừng số 12/QĐ-UB do UBND huyện Q cấp ngày 01/12/1993 cho người được cấp là ông Đinh Đăng K (Đinh Văn K) diện tích là 20.000m² (02 ha) đất để trồng rừng. Trong hồ sơ này có sơ đồ thể hiện giáp ranh đất ông K được giao như sau: Phía trên đỉnh và phía bên tay phải (từ dưới lên là gò đông có đường mòn và một phần giáp đất gò của gia đình ông S; phía bên trái từ (dưới lên) giáp khe lán là đất nhà ông N, phía dưới giáp đất nhà ông V.

Về quá trình lập hồ sơ đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại biên bản xác định ranh giới mốc giới ngày 17/6/2001 xác định diện tích đất ông K được cấp là 30.500m². Năm 2001, xã triển khai cấp GCNQSD đất đồng loạt cả xã trong đó có hộ ông K (lúc đó ông K làm trưởng thôn); ông K đã kê khai, chỉ ranh giới, mốc giới cả phần diện tích đất của hộ ông V.

Quá trình hoà giải tranh chấp và mâu thuẫn tại UBND xã T: UBND xã đã nhiều lần hoà giải tranh chấp giữa ông V và ông K nhưng không thành. Ngày 10/02/2016, UBND xã đã họp xin ý kiến nhân dân trong thôn về nguồn gốc đất của hai hộ. Ý kiến của nhân dân trong thôn cho biết diện tích đất của ông V đang canh tác và sử dụng là hộ ông V đã canh tác và sử dụng từ những năm 1986 cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp, chứ không phải đất của hộ ông K.

Căn cứ hồ sơ quản lý tại UBND xã, căn cứ ý kiến của nhân dân trong thôn về nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông V, hộ ông K. Việc ông K kê khai chỉ ranh giới sai sang cả phần diện tích đất của ông V đang sử dụng ổn định từ trước dẫn đến việc cấp GCNQSD đất chưa đảm bảo theo đúng quy định và việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông K đã không đúng về ranh giới, mốc giới, diện tích sử dụng đất cấp trùng vào diện tích đất do hộ ông V đang quản lý và sử dụng ổn định.

Căn cứ vào Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, việc ông K kê khai sai ranh giới, mốc giới thửa đất rừng giữa hộ ông K và hộ ông V; UBND xã T đã có Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 28/2/2017 đề nghị UBND huyện Q xem xét ra quyết định thu hồi GCNQSD đất đang tranh chấp mang tên hộ ông K. UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất số S 805611 ngày 31/8/2001 cấp cho hộ ông K và Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 là đúng quy định của pháp luật.

Theo ông Đinh Quang V, bà Hoàng Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của ông V, bà H là anh Đinh Văn M trình bày: Gia đình ông V có thửa đất rừng đã khai phá và sử dụng canh tác trồng cò, quế đã nhiều năm. Từ năm 1976 trồng khoai, sắn đến năm 1986 trồng cò, đến năm 1998 trồng quế không tranh chấp với ai. Năm 2002, ông V lên UBND xã kê khai làm thủ tục thì mới biết đất đã được UBND huyện cấp GCNQSD đất cho hộ ông K từ năm 2001. Ông V về hỏi ông K thì ông K nói sẽ tách sổ đỏ cho ông V. Đến năm 2004, ông K đã làm đơn xin tách

sổ cho ông V, khi nộp đơn ông K không nộp GCNQSD đất nên UBND xã không làm thủ tục được. Sau đó, vì có GCNQSD đất nên ông K đã đòi đất và kiện gia đình ông V; quá trình giải quyết tại Toà án nhân dân huyện Q, ông V đã làm đơn trình bày và đề nghị UBND huyện huỷ GCNQSD đất của ông K và Toà án nhân dân huyện Q đã chuyển hồ sơ vụ án tranh chấp đất đai cho Toà án nhân dân tỉnh Y giải quyết. Trong thời gian Toà án nhân dân tỉnh giải quyết vụ án tranh chấp đất đai thì UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông K; nên ông V đã rút yêu cầu huỷ GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông K. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18/7/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Y đã Quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Đinh Văn K và bà Lê Thị N về việc kiện đòi gia đình ông Đinh Quang V và bà Hoàng Thị H phải trả lại 4.776,6m² đất rừng ở tại thôn A, xã T, huyện Q, tỉnh Y.

Sau đó, do không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm 02/2017/DS-ST ông K và bà N đã kháng cáo và theo Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 372/2017/QĐ-PT ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; ông K, bà N đã rút toàn bộ kháng cáo nên Tòa án cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện Q thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông K và giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HCST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Y, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 3 Điều 135, Điều 159, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; điểm c khoản 1 Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; khoản 1 Điều 18 và các Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn K và bà Lê Thị N về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc giải quyết khiếu nại và huỷ Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đinh Văn K tại thôn A, xã T, huyện Q, tỉnh Y.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, ông Đinh Văn K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đinh Văn K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện UBND huyện Q và đại diện UBND xã T đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác kháng cáo của ông Đinh Văn K và bà Lê Thị N; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 17/01/2018, ông Đinh Văn K và bà Lê Thị N khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Y, yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Q, tỉnh Y và Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND huyện Q, tỉnh Y là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Y thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Ông K và bà N khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND huyện Q, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định người bị kiện là UBND huyện Trấn Yên và người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch UBND huyện Q. Tuy nhiên, trong vụ án này người khởi kiện có yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Q, nên Chủ tịch UBND huyện Q tham gia tố tụng tư cách là người bị kiện; do đó, quyền và nghĩa vụ của người bị kiện vẫn được bảo đảm. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND huyện Q về việc thu hồi GCNQSD đất:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND: Năm 1993 hộ ông Đinh Đăng K (Đinh Văn K) được Nhà nước giao đất, giao rừng tại Hồ sơ giao đất, giao rừng số 12/QĐ-UB do UBND huyện Q cấp ngày 01/12/1993 với diện tích 02 ha đất để trồng rừng. Năm 1993, khi giao đất rừng cho gia đình ông K tại thời điểm cấp không đo đạc cụ thể, chỉ khoanh vẽ và cấp cho ông K là 20.000m²; đến năm 2001, tổ đăng ký đất đai của xã T không tiến hành thẩm tra, xác minh làm rõ về nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, không đo đạc thực tế, tổ đăng ký căn vẽ trên bản đồ và lập hồ sơ cấp cho gia đình ông K 30.500m² là

không đúng với diện tích sử dụng thực tế.

Năm 2016, Trung tâm Công nghệ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Y (đo vẽ tháng 11 năm 2016) đã xác định diện tích đất là 22.678,3m² bao gồm cả phần đất đang có tranh chấp chênh lệch với diện tích được cấp là: 30.500m² - 22.679,3m² = 7.820m². Trong đó, diện tích do gia đình ông K canh tác, sử dụng là 17.902,7m²; diện tích đất do gia đình ông V sử dụng là 4.776,6m². Diện tích giữa hai gia đình sử dụng có ranh giới, mốc giới rõ ràng và hai hộ đều thống nhất với phần diện tích đất đã đo đạc.

Như vậy, diện tích gia đình ông K hiện đang sử dụng không đúng so với diện tích đất được cấp theo GCNQSD đất số S 805611, số vào sổ cấp GCNQSD đất 1131/QSDĐ theo Quyết định số 199/QĐ-UB ngày 31/8/2001 của UBND huyện Q cấp cho hộ ông K với diện tích đất rừng trồng sản xuất là 30.500m² thuộc thửa đất số 87 tờ bản đồ số F48-78-C-d-2(2). Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, sau khi Thanh tra huyện Q có Báo cáo số 14/BC-TTr ngày 02-6-2017, báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh việc cấp GCNQSD đất đối với hộ ông K không đúng quy định nên ngày 21/6/2017 UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình ông K là đúng trình tự và thẩm quyền.

Đối với lý do ông K cho rằng ông không nhất trí Điều 2 của Quyết định số 1864/QĐ-UBND; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại Điều 2 chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất; UBND xã T trong công tác chỉnh lý hồ sơ địa chính và biến động đất đai theo quy định. Hướng dẫn việc kê khai, đăng ký cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông K, ông V. Thực tế, thì cả hộ gia đình ông K và hộ gia đình ông V chưa được cấp GCNQSD đất nên chưa thể hiện là mỗi hộ được cấp bao nhiêu, việc cấp đó có ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông K hay không do đó không có cơ sở để xem xét. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của ông K là hủy Quyết định số 1864/QĐ-UBND là đúng; nên không chấp nhận kháng cáo của ông K đề nghị hủy Quyết định số 1864/QĐ-UBND.

[2.2]. Xét kháng cáo hủy Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại: Ngày 21/6/2017, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất của gia đình ông K; ông K không đồng ý nên đã khiếu nại. Ngày 11/10/2017, Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 3650/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại. Quyết định số 3650/QĐ-UBND đã ban hành đúng mẫu chung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Quyết định số 1864/QĐ-UBND ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung; tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3650/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Q đã giữ nguyên Quyết định số 1864/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà N về việc huỷ Quyết định số 3650/QĐ-UBND là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông K đề nghị huỷ Quyết định số 3650/QĐ-UBND.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của Ông Đinh Văn K không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án:

Bác kháng cáo của ông Đinh Văn K (Đinh Đăng K). Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/ST-HC ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Y.

Án phí: Ông Đinh Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2013/05495 ngày 12/7/2018 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Y;
- VKSND tỉnh Y;
- Cục THA dân sự tỉnh Y;
- Các đương sự (theo địa chỉ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình